TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **114**/2024/DS - PT

Ngày: 03 – 6 – 2024

V/v *"Tranh chấp đòi tài sản"*.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Hiếu

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Bé

Ông Vũ Việt Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng;

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng***: Ông Nguyễn Văn Hưng - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 03 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2024/TLPT-DS ngày 08 tháng 3 năm 2024 về việc "*Tranh chấp đòi tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2024/DS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 73/2024/QĐPT – DS ngày 04 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 163/2024/QĐ – PT ngày 03 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Đoàn Sơn T**, sinh năm 1991; CCCD số 02209100xxxx; Địa chỉ: Căn hộ A1xxx F.Home, số 16 đường E, quận F, thành phố Đà Nẵng.

Người dại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Tiến T1,** sinh năm 1987, CCCD số 042087005818, bà **Nguyễn Thị Bảo T2** sinh năm 1989, CCCD số 079189021886 và ông **Phạm Văn T3,** sinh năm 1998, CCCD số 04909800xxxx; Cùng địa chỉ liên hệ: Số 125 đường G, phường H, quận A, thành phố Đà Nẵng (*Theo Hợp đồng uỷ quyền công chứng số: 2324, quyển số: 11/2023 TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày*

30/11/2023 tại Phòng Công chứng số x tỉnh Quảng Nam và Giấy uỷ quyền lập ngày 30/11/2023 của Công ty Luật TNHH MTV B). Ông T3 bà T2 có mặt

2. *Bị đơn:* Ông **Lê Bá V**, sinh năm 1985, CCCD số 04808500xxxx; Và bà **Trần Thị Trà M**, sinh năm 1985, CCCD số 04818500xxxx; Cùng địa chỉ: K 254/H01/10 G, tổ 02 phường I, quận A, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Bá V và bà Trần Thị Trà M: Ông Huỳnh K, sinh năm 1991, CCCD số 04909101xxxx; Địa chỉ: L, xã M, thị xã N, tỉnh Quảng Nam (Giấy ủy quyền số công chứng 001xxx ngày 30/5/2024 tại Phòng Công chứng Số x, thành phố Đà Nẵng). Có mặt

3. *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông **Trần Quang K1**, sinh năm 1957, CCCD số 04905700xxxx và bà **Trần Thị P**, sinh năm 1958, CCCD số 04915800xxxx; Cùng địa chỉ: K245/H01/10 đường G, tổ 02, phường I, quận A, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Quang K1 và bà Trần Thị P: Ông Huỳnh K, sinh năm 1991, CCCD số 04909101xxxx; Địa chỉ: L, xã M, thị xã N, tỉnh Quảng Nam (Giấy ủy quyền số công chứng 1847 ngày 30/5/2024 tại Phòng Công chứng Số x, thành phố Đà Nẵng). Có mặt

3.2. **Văn phòng Thừa phát lại Trọng T4**; Địa chỉ: Số 114 đường O, phường P, quận F, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

3.3. Bà **Nguyễn Thị T5**, sinh năm 1992; Địa chỉ: Căn hộ A1xxx F.Home, số 16 đường E, quận F, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị T5: Ông **Nguyễn Tiến T1** sinh năm 1987, CCCD số 04208700xxxx, bà **Nguyễn Thị Bảo T2** sinh năm 1989, CCCD số 07918902xxxx, và ông **Phạm Văn T3,** sinh năm 1998 CCCD số 04909800xxxx; Cùng địa chỉ liên hệ: Số 125 đường G, phường H, quận A, thành phố Đà Nẵng (*Theo Hợp đồng uỷ quyền công chứng số: 2325, quyển số: 11/2023 TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 30/11/2023 tại Phòng Công chứng số x tỉnh Quảng Nam và Giấy uỷ quyền lập ngày 30/11/2023 của Công ty Luật TNHH MTV B*). Ông T3 bà T2 có mặt

4. *Người kháng cáo*: Ông Lê Bá V và bà Trần Thị Trà M, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 10 năm 2023, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 23/06/2023, ông Đoàn Sơn T có cho vợ chồng bà Trần Thị Trà M, ông Lê Bá V vay số tiền là 3.200.000.000 (ba tỷ hai trăm triệu đồng). Để đảm bảo cho khoản vay của bà M, ông V thì ông Trần Quang K1 và bà Trần Thị P (là cha mẹ ruột của bà M) tự nguyện đứng ra bảo lãnh cho bà M trong trường hợp vợ chồng bà M không trả được tiền; tài sản dùng để bảo lãnh là Quyền sử dụng đất: Thửa đất số: 9x.

Tờ bản đồ số 7x. Địa chỉ thửa đất: Lô 13 Khu B3, Khu phức hợp đô thị, thương mại dịch vụ, phường R, quận S, thành phố Đà Nẵng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: DC94xxxx mang tên ông Trần Quang K1 và bà Trần Thị P. Việc vay mượn tiền và bảo đảm nghĩa vụ trả nợ vay được Văn phòng Thừa phát lại Trọng T4 lập Vi bằng số 227/2023/VB - TPLTT và các bên có liên quan ký xác nhận vào ngày 23/6/2023. Theo nội dung Vi bằng, thì trong trường hợp ông K1, bà P muốn chuyển nhượng thửa đất số: 9x nói trên cho người khác thì phải thông báo bằng văn bản cho ông Đoàn Sơn T và phải dùng tiền nhận được từ việc chuyển nhượng trả cho ông T số tiền 3.200.000.000đ. Thời hạn vay đến 23/12/2023. Tuy nhiên, đến ngày 28/09/2023 ông T phát hiện ra ông K1 và bà P đã bán tài sản là Thửa đất số: 9x cho người khác mà không thông báo cũng không trả tiền vay cho ông T.

Xét thấy, bà M, anh V và ông K1, bà P đã vi phạm nghiêm trọng các thỏa thuận về việc chuyển nhượng tài sản đảm bảo và sử dụng số tiền có được từ việc chuyển nhượng thửa đất số: 9x. Do đó, ông Đoàn Sơn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Bá V, bà Trần Thị Trà M trả tổng số tiền là 3.292.931.506 đồng. Trong đó: số tiền nợ là 3.200.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh tạm tính từ ngày ông Đoàn Sơn T phát hiện việc vi phạm ngày 28.9.2023 đến ngày xét xử hôm nay 11.01.2024 với mức lãi suất là 10%/năm trên số nợ gốc với số tiền là 92.931.506 đồng. Đồng thời phải trả thêm khoản lãi phát sinh sau ngày xét xử. Trường hợp ông Lê Bá V, bà Trần Thị Trà M không trả được nợ thì với tư cách là người bảo lãnh - ông Trần Quang K1 và bà Trần Thị P có trách nhiệm trả nợ thay cho ông V, bà M toàn bộ số nợ gốc và lãi.

** Tại các biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Lê Bá V và bà Trần Thị Trà M trình bày:*

Vợ chồng ông bà xác nhận ngày 23/06/2023 giữa vợ chồng tôi và ông Đoàn Sơn T có lập Vi bằng số Vi bằng số 227/2023/VB – TPLTT tại Văn phòng thừa phát lại Trọng T4 với ông Đoàn Sơn T với những nội dung như trình bày của đại diện nguyên đơn. Tuy nhiên, việc lập Vi bằng là để làm tin cho việc chơi biêu giữa bà M và bà Nguyễn Thị T5 vợ ông T. Ông bà không nhận bất cứ khoản tiền mượn nào từ ông T. Do đó, ông V bà M không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T, đề nghị nguyên đơn cung cấp các chứng cứ chứng minh ông T đã chuyển tiền cho vợ chồng ông bà.

** Tại Văn bản trình bày ngày 27/11/2023, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T5 trình bày:*

Bà T5 và ông Đoàn Sơn T là vợ chồng. Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2022 đến tháng 5/2023, ông T và bà Trần Thị Trà M có làm Vi bằng để đảm bảo khoản tiền mượn 2.500.000.000 đồng. Đến tháng 06/2023, bà M tiếp tục xin vay số tiền lớn hơn là 3.200.000.000 đồng và lấy tài sản của cha mẹ bà M là nhà và đất tại Thửa đất số: 9x, tờ bản đồ số 7x, địa chỉ thửa đất: Lô 13 Khu B3, Khu phức hợp đô thị, thương mại dịch vụ, phường R, quận S, thành phố Đà Nẵng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: DC946704 mang tên ông Trần Quang K1 và bà Trần Thị P bảo đảm cho số tiền trên nên ông T đã đồng ý cho vay và các bên đã tiến hành lập Vi bằng số 227/2023/VB - TPLTT ngày 23/6/2023. Mặc dù việc vay mượn là giữa ông Đoàn Sơn T với vợ chồng bà M, ông V. Nhưng bà T5 và ông là vợ chồng nên đề nghị Tòa án tuyên buộc ông V, bà M trả lại tiền nợ gốc 3.200.000.000đ và lãi phát sinh cho bà Trình và ông T. Nếu bà M không trả thì ông Trần Quang K1 và Trần Thị P đứng ra đảm bảo chịu trách nhiệm trả thay cho ông V bà M. Còn đối với lời khai của bà M về việc chơi biêu hụi với bà là quan hệ khác, không liên quan đến việc vay mượn tiền này.

** Tại Văn bản trình bày và tại phiên hòa giải người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trần Quang K1 và bà Trần Thị P trình bày:*

Ông bà xác nhận ngày 23 tháng 6 năm 2023, vợ chồng ông bà có ký vào Vi bằng lập tại Văn phòng thừa phát lại Trọng T4. Vợ chồng ông có dùng tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 9x, tờ bản đồ số 7x; địa chỉ: Lô 13 Khu B3, Khu phức hợp đô thị, thương mại, dịch vụ phường R, quận S, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sỡ hữu sử dụng của ông bà để đảm bảo cho việc vay mượn của vợ chồng con gái Trần Thị Trà M, Lê Bá V. Hiện nay tài sản trên đã chuyển nhượng vào tháng 10/2023 tại Văn phòng công chứng đường 2/9.

Vợ chồng ông ký vào Vi bằng là để giúp cho con gái trong việc làm ăn, còn việc giao tiền, chuyển khoản thì vợ chồng ông hoàn toàn không biết. Vợ chồng ông cũng không nhận được tiền như trong Vi bằng đã ghi. Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông bà thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, ông bà không đồng ý.

** Tại Văn bản trình bày ngày 29/11/2023, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Văn phòng thừa phát lại Trọng T4 trình bày:*

Vào hồi 16 giờ 00 phút ngày 23/6/2023, Văn phòng Thừa phát lại Trọng T4 tiếp nhận yêu cầu lập Vi bằng của ông Đoàn Sơn T; địa điểm lập tại Văn phòng Thừa phát lại Trọng T4 – Số 114 O, quận F, thành phố Đà Nẵng. Nội dung yêu cầu: *"Chứng kiến, ghi nhận buổi làm việc giữa ông Đoàn Sơn T, ông Trần Quang K1, bà Trần Thị P, ông Lê Bá V và bà Trần Thị Trà M liên quan đến thỏa thuận vay mượn tiền"*.

Tại thời điểm lập Thừa phát lại ghi nhận sự có mặt của các ông, bà Đoàn Sơn T, Trần Quang K1, Trần Thị P, Lê Bá V và Trần Thị Trà M; các bên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, nội dung yêu cầu thuộc thẩm quyền lập Vi bằng của Thừa phát lại nên đã lập Vi bằng số: 227/2023/VB-TPLTT ngày 23/6/2023. Nội dung thỏa thuận của các bên đã được thể hiện rõ tại Vi bằng số: 227/2023/VB-TPLTT ngày 23/6/2023.

** Với nội dung vụ án như trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2024/DS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng quyết định:*

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; 220; khoản 1 Điều 243266; 271; 273; 278 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều Điều 335, 342, 463, 466, 470 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Sơn T đối với bị đơn bà Trần Thị Trà M và ông Lê Bá V về việc *"Tranh chấp kiện đòi tài sản"*

Tuyên xử:

1. Buộc bà Trần Thị Trà M và ông Lê Bá V phải có nghĩa vụ trả cho ông Đoàn Sơn T, bà Nguyễn Thị T5 tổng số tiền nợ là: 3.292.931.506 đ (Ba tỷ hai trăm chín mươi hai triệu chín trăm ba mốt nghìn năm trăm lẻ sáu đồng)

Trong đó: Nợ gốc: 3.200.000.000 đồng. Nợ lãi: 92.931.506 đồng.

Trường hợp bà Trần Thị Trà M và ông Lê Bá V không thanh toán hoặc thanh toán không đủ cho ông Đoàn Sơn T và bà Nguyễn Thị T5 thì ông Trần Quang K1 và bà Trần Thị P phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay đối với số tiền 3.292.931.506 đồng cho ông Đoàn Sơn T và bà Nguyễn Thị T5

2. Án phí dân sự sơ thẩm: bà Trần Thị Trà M và ông Lê Bá V phải chịu là 9x.858.000 đồng (Chín mươi bảy triệu tám trăm năm mươi tám nghìn đồng)

Hoàn trả cho ông Đoàn Sơn T số tiền tạm ứng án phí là 48.799.990 đã nộp theo biên lai thu số 0000299 ngày 05 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Kể từ ngày 12.01.2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thoả thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, thi hành án dân sự và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 25 tháng 01 năm 2024, bị đơn bà Trần Thị Trà M và ông Lê Bá V có Đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Huỳnh K là người đại điện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị Trà M và ông Lê Bá V trình bày: Việc lập Vi bằng giữa các bên là giải tạo để che dấu cho việc chơi biêu giữa bà Trà M và bà T5 vợ ông T, giữa hai bên không có việc giao nhận tiền, nên đề nghị HĐXX hủy án sơ thẩm. Tuy nhiên, việc tổ chức đường dây chơi biêu của vợ chồng ông T bà T5 có dấu hiệu lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên ông V bà M đã làm đơn tố cáo hành vi của vợ chồng ông T bà T5 đến Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đà Nẵng, do đó, đề nghị HĐXX tạm đình chỉ chờ kết quả giải quyết của Cơ quan CSĐT.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đoàn Sơn T không chấp nhận đề nghị tạm đình chỉ giải quyết vụ án của bị đơn; Đề nghị HĐXX không chấp toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Trà M và ông Lê Bá V. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2024/DS-ST ngày 11/01/2024 của TAND quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng Thừa phát lại Trọng T4 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, HĐXX tiếp tục tiến hành phiên tòa, xét xử vắng mặt đối với Văn phòng Thừa phát lại Trọng T4.

[2] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị Trà M, ông Lê Bá V đề nghị HĐXX tạm đình chỉ giải quyết vụ án để chờ thông báo, kết luận của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng đối với đơn tố cáo hành vi *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* của nguyên đơn ông Đoàn Sơn T và vợ là bà Nguyễn Thị T5. Tuy nhiên, việc tố giác tội phạm của bà Trần Thị Trà M đối với bà Nguyễn Thị T5 đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng trả lời theo Phiếu hướng dẫn

(V/v giải quyết nguồn tin tội phạm) số: 636/CSHS-DD4 ngày 01/02/2024, theo đó: *Nội dung đơn tố cáo của bà Trần Thị Trà M (cùng 06 công dân khác) là tranh chấp dân sự, không có dấu hiệu tội phạm hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng hướng dẫn bà Trần Thị Trà M giải quyết tranh chấp tại Tòa án dân sự theo quy định*. Do đó, đề nghị tạm đình chỉ giải quyết vụ án của bà Trần Thị Trà M, ông V và người đại diện theo ủy quyền của bà M ông V tại phiên tòa là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Trà M và ông Lê Bá V.

[3.1] Theo Vi bằng số: 227/2023/VB-TPLTT ngày 23/6/2023 của Văn phòng thừa phát lại Trọng T4, các bên gồm: ông Đoàn Sơn T, vợ chồng ông Lê Bá V và bà Trần Thị Trà M, vợ chồng ông Trần Quang K1 và bà Trần Thị P đã thống nhất lập Vi bằng với những nội dung: *ngày 23.0.2023 vợ chồng bà Trần Thị Trà M, ông Lê Bá V có mượn của ông Đoàn Sơn T số tiền 3.200.000.000đ (ba tỷ hai trăm triệu đồng). Thời hạn mượn tiền đến hết ngày 23.12.2023 (thời hạn 06 tháng); bà Trà M và ông V cam kết từ ngày 23/06/2023 đến hết ngày 23/12/2023 sẽ thanh toán đủ số tiền 3.200.000.000 đồng đã mượn từ ông Đoàn Sơn T.* Tại Vi bằng vợ chồng bà Trà M, ông V và cha mẹ bà Trà M là ông K1, bà P đều cam kết nội dung trình bày trong Vi bằng là hoàn toàn đúng sự thật, hoàn toàn tự nguyện không bị lừa dối, đe dọa hoặc cưỡng ép. Tại Vi bằng không có nội dung nào thể hiện việc lập Vi bằng là để làm tin cho việc chơi biêu giữa bà M và bà Nguyễn Thị T5 vợ ông T như trình bày của bà Trà M, ông V. Vi bằng được Văn phòng thừa phát lại Trọng T4 lập đúng thẩm quyền, thủ tục lập, hình thức và nội dung của Vi bằng phù hợp với các Điều 36, 37, 38, 39, 40 Nghị định số: 08/2020/NĐ-CP ngày 08.01.2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thừa phát lại. Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Nghị định số: 08/2020/NĐ-CP ngày 08.01.2020 của Chính phủ nêu trên Vi bằng số: 227/2023/VB-TPLTT lập ngày 23/6/2023 của Văn phòng thừa phát lại Trọng T4 là nguồn chứng cứ để Tòa án xem xét khi giải quyết vụ tranh chấp của các bên. Bản án sơ thẩm xác định bị đơn ông Lê Bá V và bà Trần Thị Trà M có mượn ông Đoàn Sơn T số tiền 3.200.000.000 đồng, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền mượn này là có căn cứ. Ông V bà Trà M kháng cáo cho rằng việc lập Vi bằng là để làm tin cho việc chơi biêu giữa bà M và bà Nguyễn Thị T5 vợ ông T nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về yêu cầu tính lãi suất chậm trả từ ngày 28.9.2023 đến ngày 11.01.2024 với mức lãi suất là 10%/năm của ông Đoàn Sơn T: Khi mượn tiền các bên không thỏa thuận lãi suất, nhưng ông V bà Trà M và ông Trần Quang K1 và bà Trần Thị P cam

kết dung tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông K1 bà P1 là toàn bộ nhà đất tại thửa đất số 9x, tờ bản đồ số 7x; địa chỉ: Lô số 13 Khu B3, Khu phức hợp đô thi, thương mại, dịch vụ, phường R, quận S, Tp Đà Nẵng (nhà đất tại thửa đất số 9x) bảo lãnh khoản nợ vay trên cho bà Trà M và ông V. Trường hợp ông K1 bà Phượng chuyển nhượng tài sản nêu trên cho người khác thì số tiền thu được sẽ ngay lập tức thanh toán đầy đủ cho khoản nợ 3.200.000.000 đồng mà vợ chồng bà Trà M ông V đã mượn của ông T. Tuy nhiên, ngày 20.9.2023, vợ chồng ông K1, bà P đã chuyển nhượng nhà đất là tài sản dùng để bảo lãnh cho khoản nợ vay của vợ chồng bà Trà M và ông V nhưng không thanh toán khoản nợ cho ông T, nên ông T yêu cầu phải chịu tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 28.9.2023 là ngày phát hiện vi phạm đến ngày xét xử sơ thẩm 11.01.2024 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015 quy định. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khoản tiền lãi chậm trả theo yêu cầu của ông T với số tiền là: 3.200.000.000 đồng x 10%/năm x 03 tháng 16 ngày = 92.931.506 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật như nêu trên.

[3.3] Về nghĩa vụ bảo lãnh của ông Trần Quang K1 và bà Trần Thị P: Tại Vi bằng lập ngày 23.6.2023, ông K1 bà P đồng ý đứng ra bảo lãnh khoản nợ vay 3.200.000.000đ cho con gái bà Trần Thị Trà M và ông Lê Bá V bằng tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông bà là toàn bộ nhà đất tại thửa đất số 9x. Sau khi ông bà chuyển nhượng nhà đất nói trên nhưng không thực hiện theo cam kết là trả tiền thay cho con gái là vi phạm nghĩa vụ bảo lãnh. Do đó, bản án sơ thẩm tuyên buộc trường hợp bà Trà M và ông V không thanh toán hoặc thanh toán không đủ cho ông T và bà T5 thì ông K1 và bà P phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay đối với số tiền 3.292.931.506 đồng cho ông T và bà T5 là đúng quy định tại các Điều 335, 342 Bộ luật dân sự.

[4] Với những nội dung đã phân tích, nhận định trên, xét thấy kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Trà M và ông Lê Bá V là không có cơ sở, HĐXX không chấp nhận ý kiến trình bày của của đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa; Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bà Trần Thị Trà M và ông Lê Bá V; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí phúc thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà Trần Thị Trà M và ông Lê Bá V phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Trà M và ông Lê Bá V.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2024/DS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; 220; khoản 1 Điều 243; 266; 271; 273; 278 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều Điều 335, 342, 463, 466, 470 Bộ luật dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Sơn T đối với bị đơn bà Trần Thị Trà M và ông Lê Bá V về việc *"Tranh chấp kiện đòi tài sản"*.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Trần Thị Trà M và ông Lê Bá V phải có nghĩa vụ trả cho ông Đoàn Sơn T, bà Nguyễn Thị T5 tổng số tiền nợ là: 3.292.931.506 đ (Ba tỷ, hai trăm chín mươi hai triệu, chín trăm ba mốt nghìn, năm trăm lẻ sáu đồng)

Trong đó: nợ gốc: 3.200.000.000 đồng; Nợ lãi: 92.931.506 đồng.

Trường hợp bà Trần Thị Trà M và ông Lê Bá V không thanh toán hoặc thanh toán không đủ cho ông Đoàn Sơn T và bà Nguyễn Thị T5 thì ông Trần Quang K1 và bà Trần Thị P phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay đối với số tiền 3.292.931.506 đồng cho ông Đoàn Sơn T và bà Nguyễn Thị T5.

2. Kể từ ngày 12.01.2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thoả thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự:

3.1. Án phí sơ thẩm:

- Bà Trần Thị Trà M và ông Lê Bá V phải chịu là 97.858.000 đồng (Chín mươi bảy triệu, tám trăm năm mươi tám nghìn đồng)

- Hoàn trả cho ông Đoàn Sơn T số tiền tạm ứng án phí là 48.799.990 đã nộp theo biên lai thu số 0000299 ngày 05 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3.2. Án phí phúc thẩm: bà Trần Thị Trà M và ông Lê Bá V phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0001215 ngày 02/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hánh án theo quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Chi Cục THADS quận Thanh Khê;
- Tòa án nhân dân quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Cao Văn Hiếu